

Bản án số: 865/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – *Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 295/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Trúc M, sinh năm: 1970

Địa chỉ: đường B, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/10/2019)

2. *Bị đơn:* Ông Thái Ngọc H, sinh năm: 1958

Địa chỉ: đường B, Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 19/01/2019, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ngô Thị Trúc M trình bày: bà và ông Thái Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyền số 01, đăng ký ngày 08/7/2004 tại UBND phường AC, quận N, thành phố Cần Thơ.

Sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước đây ông H bỏ nhà đi và đã công khai chung sống với một người phụ nữ khác trong khi chưa ly hôn với bà. Vì vậy, khi ông H trở về chung sống với bà thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với nhau, và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Hiện nay tuy ông bà vẫn sống chung nhà nhưng giữa vợ chồng bà không còn tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, việc ai người đó làm, hầu như ông bà không còn nói chuyện với nhau, mà khi nói chuyện thì sẽ xảy ra

gây gổ. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cứ kéo dài cuộc sống như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt tới cuộc sống, sức khỏe, con cái. Nay bà M xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Trúc M yêu cầu ly hôn với ông Thái Ngọc H.

- Về con chung: bà M trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Thái Th (nam), sinh ngày 17/12/2004 và Thái T (nam), sinh ngày 17/12/2004, bà M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Thái Ngọc H đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng ông H không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H. Tại phiên tòa ngày 31/10/2019 và ngày 21/11/2019, ông H vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Thái Ngọc H, xác minh tình trạng hôn nhân của bà M và ông H tại địa phương, ghi nhận nguyện vọng của các con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn với ông H là phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà M; tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyền số 01, đăng ký ngày 08/7/2004 tại UBND phường AC, quận N, thành phố Cần Thơ thì bà Ngô Thị Trúc M và ông Thái Ngọc H có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà M có đơn xin ly hôn với ông H cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà M thì nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn là do trước đây ông H bỏ nhà đi và đã công khai chung sống với một người phụ nữ khác trong khi chưa ly hôn với bà. Vì vậy, khi ông H trở về chung sống với bà thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với nhau, và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Hiện nay tuy ông bà vẫn sống chung nhà nhưng giữa vợ chồng bà không còn tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung, việc ai người đó làm, hầu như ông bà không còn nói chuyện với nhau, mà khi nói chuyện thì sẽ xảy ra gây gổ.

Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cứ kéo dài cuộc sống như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt tới cuộc sống, sức khỏe, con cái.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông H đến Tòa để ghi nhận ý kiến của ông H và tham gia tố tụng nhưng ông H không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng theo lời trình bày của bà M thì giữa bà M và ông H đã không còn sự yêu thương, chung thủy; tuy ông H và bà M vẫn còn sống chung nhà nhưng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn chia sẻ với nhau những sự việc xảy ra trong cuộc sống, việc ai người đó làm, đến nay, bà M xác định không còn tình cảm với ông H, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cả ông H và bà M đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông H không đến Tòa làm việc, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông H đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà M được ly hôn với ông H là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà M và ông H có 02 con chung tên Thái Th (nam), sinh ngày 17/12/2004 (theo giấy khai sinh số 06, quyển số 01/2005 đăng ký ngày 14/01/2005 tại UBND phường TT, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh) và Thái T (nam), sinh ngày 17/12/2004 (theo giấy khai sinh số 07, quyển số 01/2005 đăng ký ngày 14/01/2005 tại UBND phường T T, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh), bà M yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án ông H không đến tòa làm việc, không thể hiện ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, vì vậy Hội đồng nhận thấy việc giao trẻ Thạch và trẻ Tuấn cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Ngô Thị Trúc M nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Trúc M được ly hôn với ông Thái Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyển số 01, đăng ký ngày 08/7/2004 tại UBND phường AC, quận N, thành phố Cần Thơ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà M và ông H có 02 con chung tên Thái Th (nam), sinh ngày 17/12/2004 và Thái T (nam), sinh ngày 17/12/2004, giao cả 02 con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M yêu cầu tự thỏa thuận với ông H về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không đề cập giải quyết.

Ông Thái Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Ngô Thị Trúc M có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông H đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà M khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Ngô Thị Trúc M nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011095 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Ủy ban nhân dân phường AC, quận N, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Thị Hồng Nga
(đã ký và đóng dấu)**